

Việc đi học của trẻ em trong độ tuổi trung học và những yếu tố ảnh hưởng

Trần Quý Long

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Sử dụng số liệu Khảo sát mức sống dân cư năm 2014 do Tổng cục Thống kê thực hiện, nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố tác động đến tình trạng đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học, cụ thể là từ 11-14 tuổi đối với bậc trung học cơ sở và 15-17 tuổi đối với bậc trung học phổ thông, ở Việt Nam. Kết quả phân tích đa biến cho thấy vấn đề đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học vẫn còn có những khác biệt và phụ thuộc một cách có ý nghĩa với những yếu tố nhân khẩu học-xã hội của cá nhân và hộ gia đình. Trẻ em là người Kinh, có bố với học vấn cao hơn, gia đình có số thành viên ít hơn và mức sống cao hơn, cư trú ở thành thị và những vùng phát triển hơn về kinh tế-xã hội có khả năng được đi học cao hơn. Như vậy, có thể thấy, nếu không có các chính sách đặc biệt hướng đến nhóm yếu thế thì giữa các nhóm trẻ em có hoàn cảnh xã hội khác nhau tiếp tục có sự khác biệt về giáo dục.

Từ khóa: Trẻ em; Đi học; Giáo dục trung học; Tiếp cận giáo dục.

Ngày nhận bài: 21/11/2017; ngày chỉnh sửa: 15/1/2018; ngày duyệt đăng: 5/2/2018.

1. Giới thiệu

Giáo dục đóng một vai trò quan trọng trong việc tăng thêm nguồn lực của cá nhân để tận dụng những cơ hội to lớn trong đời sống xã hội và được

thừa nhận như một quyền của con người. Điều 28 Công ước quốc tế về Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc đã khẳng định quyền được học tập là một quyền cơ bản và nhấn mạnh rằng việc thực quyền phải đảm bảo từng bước và trên cơ sở những cơ hội bình đẳng.

Giáo dục là nền tảng để phát triển các kỹ năng cần thiết để tham gia vào các hoạt động kinh tế có hàm lượng chất xám cao. Những ai không có điều kiện tiếp cận đến giáo dục trung học có nguy cơ bị loại khỏi những cơ hội mới (Ngân hàng Thế giới, 2001). Có học vấn cao hơn sẽ giúp cho bước chuyển tiếp sang giai đoạn đi làm được thuận lợi hơn và dẫn đến nhiều thành công hơn trong cuộc sống (Trần Quý Long, 2013). Đầu tư cho giáo dục trong thời kỳ thanh thiếu niên là rất cần thiết để tận dụng những thành quả của những đầu tư giáo dục thời kỳ thơ ấu (Ngân hàng Thế giới, 2007). Trẻ em cần phải học hết lớp cuối cùng của bậc trung học phổ thông bởi vì giáo dục trung học có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển và an sinh của cá nhân (UNICEF, 2011).

Nghiên cứu này cố gắng tìm hiểu sự khác biệt trong việc đi học của trẻ em Việt Nam trong độ tuổi học trung học theo những đặc điểm của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Nghiên cứu sử dụng số liệu Khảo sát mức sống dân cư ở cấp quốc gia và áp dụng kỹ thuật phân tích đa biến nhằm xác định tác động của những yếu tố kinh tế - xã hội đến tình trạng đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học ở Việt Nam.

2. Điểm luận

Theo các nghiên cứu sẵn có về chủ đề này, các yếu tố được cho là có ảnh hưởng đến sự tiếp cận giáo dục của trẻ em bao gồm giới tính, tuổi, dân tộc, trình độ học vấn của cha mẹ, mức sống gia đình và nơi cư trú của gia đình. Về giới tính, theo kết quả của Tổng điều tra dân số nhà ở Việt Nam năm 2009, tỷ lệ nhập học đúng tuổi của nam giới hầu như không cao hơn nữ giới ở tất cả các cấp. Điều đó cho thấy bất bình đẳng giới về tỷ lệ nhập học đúng tuổi tại Việt Nam hầu như đã được xóa bỏ (Tổng cục Thống kê, 2011). Phân tích số liệu này bằng mô hình hồi quy đa biến, nghiên cứu của Trần Quý Long (2014) khẳng định trẻ em gái có xác suất đi học cao hơn trẻ em trai.

Tuổi là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng việc đi học và tiến bộ học tập của trẻ em. Xác suất nhập học bậc trung học cơ sở giảm đi theo độ tuổi là bằng chứng rõ ràng nhất cho thấy sự đánh đổi mà những trẻ em lớn tuổi phải đối mặt, vì các em (và gia đình) phải quyết định con đường nào là tốt nhất nên chọn (Ngân hàng Thế giới và các cơ quan khác, 2011).

Nhiều nghiên cứu cho thấy trẻ em dân tộc thiểu số vẫn là một nhóm xã hội chịu nhiều thiệt thòi trong tiếp cận giáo dục. Nói chung, hầu hết dân tộc thiểu số sinh sống ở các vùng tương đối sâu và xa, nơi nhiều bậc phụ huynh không thấy được giá trị của giáo dục trên mức biết đọc và biết viết

và con cái chỉ là để theo họ tham gia vào những công việc đồng áng để đủ sống về cơ bản (Geoffrey B. Hainsworth, 2001).

Một trong những yếu tố gia đình quan trọng ảnh hưởng đến việc đi học của trẻ em là trình độ học vấn bố mẹ. Khi trình độ học vấn bố mẹ cao hơn, trẻ em có xác suất đi học cao hơn (Nguyễn Đức Vinh, 2009; UNDP, 2011; Võ Thanh Sơn và cộng sự, 2001; Young Lives, 2011). Một nghiên cứu đã nhận định rằng, các bậc bố mẹ được hưởng sự giáo dục tốt có khả năng am hiểu hơn về cách thức tận dụng các dịch vụ giáo dục dành cho con cái (Indu Bhushan và cộng sự, 2001).

Mức sống hộ gia đình là yếu tố ảnh hưởng đến khả năng được đi học của trẻ em. Một trong những lý do đó là chi phí cơ hội. Đối với rất nhiều hộ nghèo, sức lao động của trẻ em có giá trị hơn nhiều so với việc để chúng tới trường. Lợi ích dài hạn của giáo dục không thể bù đắp được những tổn thất về thu nhập trong ngắn hạn (Báo cáo phát triển Việt Nam, 2004). Trong khi các hộ gia đình nghèo cần trẻ em làm việc để phát sinh thu nhập (Indu Bhushan và cộng sự, 2001) thì các hộ gia đình khá giả có xu hướng không muốn cho con mình tham gia vào lực lượng lao động cho đến khi lớn hẳn (Vũ Đức Khánh và cộng sự, 2001).

Nơi cư trú của gia đình cũng được một số cuộc nghiên cứu khẳng định là có tác động đến khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em. Một nghiên cứu về nguy cơ bỏ học của trẻ em cho thấy trẻ em nông thôn có khoảng thời gian đi học ngắn hơn so với trẻ em thành thị (Trần Quý Long, 2013). Trẻ em nông thôn đóng một vai trò quan trọng trong kinh tế gia đình và khi thời gian của một đứa trẻ có ý nghĩa quan trọng đối với gia đình, việc đi học của trẻ có thêm “chi phí cơ hội” (Nguyễn Đức Truyền và Trần Thị Thái Hà, 2014).

Sự khác biệt giữa các vùng trong tỷ lệ nhập học được quan sát thấy rõ rệt nhất ở các cấp học cao hơn bậc tiểu học. Báo cáo quốc gia về Phát triển con người năm 2011 nhận xét rằng người dân ở vùng sâu, vùng xa thường gặp khó khăn nhiều hơn khi tiếp cận giáo dục và chất lượng giáo dục cũng không như ở khu vực thành thị. Với sự phân bố của hệ thống các cơ sở giáo dục hiện nay, đang tồn tại một thực tế là các cấp giáo dục phổ thông như tiểu học, trung học cơ sở xuất hiện ở hầu hết khu vực đô thị và nông thôn, nhưng ở cấp trung học phổ thông thì tập trung nhiều hơn ở khu vực đô thị (UNDP, 2011).

3. Số liệu và phương pháp phân tích

Nghiên cứu này sử dụng số liệu từ cuộc Khảo sát mức sống dân cư (KSMSDC) Việt Nam năm 2014. KSMSDC năm 2014 cung cấp những số liệu có chất lượng cao với một phạm vi rộng liên quan đến các chỉ báo về tiếp cận giáo dục của trẻ em và các đặc trưng cá nhân, gia đình và cộng đồng. KSMSDC 2014 được triển khai trên phạm vi cả nước với quy mô

mẫu 9.399 hộ gia đình ở 3.133 xã/phường, đại diện cho cả nước, các vùng, khu vực thành thị, nông thôn và tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Trong số các hộ gia đình được khảo sát, có 4.015 trẻ em trong độ tuổi học trung học (11-17 tuổi) tuy nhiên nghiên cứu chỉ sử dụng số lượng mẫu 3.476 trẻ em là con của chủ hộ để phân tích.

Nghiên cứu tìm hiểu thực trạng tiếp cận giáo dục của trẻ em trong độ tuổi theo học trung học phổ thông theo các đặc điểm cụ thể của cá nhân và hộ gia đình thông qua các phân tích: tương quan hai biến, biểu đồ bất bình đẳng và hệ số bất bình đẳng. Biểu đồ bất bình đẳng là một loại đồ thị dùng để biểu diễn mức độ thiếu đồng đều hoặc bất bình đẳng của một phân phối nào đó. Đường phân bố (ĐPB) của biểu đồ càng lõm thì sự bất bình đẳng càng cao và ngược lại. Hệ số bất bình đẳng tương tự hệ số GINI nhưng nó có cả số âm và được tính bằng 2 lần diện tích giữa đường bình đẳng với đường cong bất bình đẳng. Đồng thời, nghiên cứu cũng sử dụng mô hình hồi quy đa biến để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các đặc trưng cá nhân và gia đình đối với việc đi học của trẻ em trong khi có tính đến ảnh hưởng của những yếu tố khác.

4. Kết quả nghiên cứu

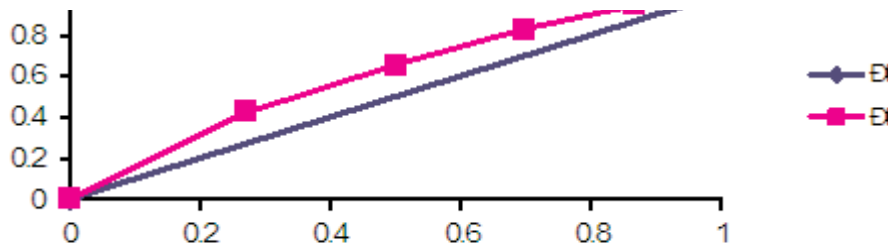
Phân tích hai biến

Kết quả phân tích từ số liệu KSMSDC 2014 cho thấy, tại thời điểm khảo sát, trong tổng số các trẻ em từ 11-17 tuổi thuộc mẫu nghiên cứu, có 82,3% đang đi học. Tỷ lệ trẻ em đi học giảm xuống từ 96,8% ở năm đầu của bậc trung học cơ sở (11 tuổi) xuống mức 89% ở nhóm trẻ em trong độ tuổi học lớp cuối cùng của bậc học này (14 tuổi). Đối với trẻ em trong nhóm tuổi học trung học phổ thông, tỷ lệ đang đi học giảm xuống còn khoảng 58% ở độ tuổi cuối cùng của bậc học này (17 tuổi). Có sự khác biệt giới tính trong tỷ lệ đi học và trẻ em gái có tỷ lệ đi học cao hơn trẻ em trai, 85,2% so với 79,5%. Tỷ lệ đi học của trẻ em ở nhóm người Kinh cao hơn 14 điểm phần trăm so với nhóm trẻ em người dân tộc thiểu số (85,7% so với 71,8%) và sự khác biệt này rất có ý nghĩa thống kê.

Học vấn của người bố và tỷ lệ đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học có mối quan hệ đồng biến. Nếu như có khoảng 70% trẻ em ở nhóm người bố có trình độ học vấn từ tiểu học trở xuống đang đi học tại thời điểm khảo sát thì tỷ lệ này là 87,1% ở nhóm có bố với trình độ học vấn cơ sở và là 95,7% ở nhóm có bố với trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên.

Số thành viên hộ gia đình có mối liên hệ nghịch biến nhưng mức sống của hộ gia đình lại có mối quan hệ đồng biến rất có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học. Trẻ em ở nhóm gia đình có mức sống thấp có tỷ lệ đi học là 72,2%, tỷ lệ này tăng lên đạt mức 84% ở nhóm có mức sống trung bình và đạt mức 93,3% ở nhóm có mức

Biểu đồ 1. Bất bình đẳng trong tỷ lệ không đi học của trẻ em theo mức sống



sống cao.

Biểu đồ 1 thể hiện sự bất bình đẳng bằng đường cong về tỷ lệ không đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học theo mức sống hộ gia đình. Trên đồ thị, đoạn đường cong đầu tiên của đường phân bố thể hiện tỷ lệ không đi học của trẻ em ở nhóm hộ gia đình có mức sống thấp nhất. Tại thời điểm khảo sát, dân số trẻ em trong độ tuổi học trung học ở nhóm hộ gia đình nghèo nhất là 27% nhưng tỷ lệ không đi học cao hơn gấp 1,6 lần, 43%. Ngược lại, số lượng trẻ em ở hộ gia đình có mức sống giàu nhất là 13% nhưng số lượng không đi học chỉ là 5%. Hệ số bất bình đẳng trong tỷ lệ không đi học của trẻ em giữa các nhóm mức sống trong mẫu phân tích được tính toán là -0,34.

Kết quả phân tích cho thấy trẻ em trong độ tuổi học trung học ở khu vực nông thôn có tỷ lệ đi học thấp hơn trẻ em ở khu vực thành thị khoảng 8,6 điểm phần trăm, 80,2% so với 88,8%. Có sự khác biệt giữa các vùng trong tỷ lệ đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học, trong đó, vùng có tỷ lệ trẻ em đi học thấp nhất là Tây Nguyên (73%), tiếp đó là Đồng bằng sông Cửu Long (75,8%) và Đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ trẻ em đi học cao nhất (90%).

Phân tích đa biến

Bảng 1 trình bày kết quả phân tích hồi quy logistic đa biến về ảnh hưởng của các yếu tố đối với xác suất đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học. Hệ số chênh lệch về xác suất đi học giữa các nhóm/phân tổ nghiên cứu so với nhóm so sánh được thể hiện ở cột Exp(B). Khoảng tin cậy (C.I) 95% của Exp(B) thể hiện ở hai cột tiếp theo với giá trị cận trên và cận dưới và cột cuối cùng (N) thể hiện số lượng mẫu của từng nhóm được đưa vào phân tích.

Phù hợp với kết quả phân tích hai biến, biến số giới tính ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến việc đi học và trẻ em gái có xác suất đi học cao hơn

Bảng 1. Mô hình hồi quy logistic về xác suất đi học của trẻ em tuổi trung học

Đặc trưng		Exp(B)	95% C.I		N
Giới tính	Nam (nhóm so sánh)	1			1782
	Nữ	1,80***	1,46	2,23	1694
Tuổi		0,51***	0,48	0,55	3476
Thành phần dân tộc	DTTS (nhóm so sánh)	1			850
	Kinh	1,63**	1,19	2,24	2626
Trình độ học vấn của bố	Tiểu học (nhóm so sánh)	1			1371
	Trung học cơ sở	2,67***	2,09	3,40	1329
	>= Trung học phổ thông	8,56***	5,64	12,99	776
Số thành viên gia đình		0,86***	0,80	0,93	3476
Mức sống	Nghèo nhất (nhóm so sánh)	1			941
	Nghèo	1,55**	1,14	2,10	800
	Trung bình	2,25**	1,24	4,10	681
	Khá giả	2,25**	1,22	4,13	591
	Giàu	4,22***	2,13	8,36	463
Khu vực	Thành thị (nhóm so sánh)	1			859
	Nông thôn	0,70*	0,48	1,03	2617
Vùng	ĐB sông Hồng (nhóm so sánh)	1			598
	Trung du và MNPB	1,50	0,97	2,32	708
	Bắc Trung Bộ và DHMT	0,96	0,66	1,41	825
	Tây Nguyên	0,51**	0,32	0,80	345
	Đông Nam Bộ	0,68**	0,43	1,06	363
	ĐB sông Cửu Long	0,37***	0,26	0,54	637

Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

trẻ em trai. Hệ số hồi quy từ mô hình phân tích cho thấy, trong cùng điều kiện xác định ảnh hưởng bởi các biến số độc lập khác trong mô hình, xác suất đi học của trẻ em gái cao hơn 1,8 lần so với trẻ em trai (Exp (B)=1,8; 95% C.I: 1,46-2,32; $p < 0,001$). Khi tăng thêm một tuổi thì xác suất đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học lại giảm xuống 49% (Exp (B)=0,51; 95% C.I: 0,48-0,55; $p < 0,001$). Trẻ em là người Kinh có xác suất đi học cao hơn trẻ em dân tộc thiểu số 1,63 lần (Exp (B)=1,63; 95% C.I: 1,19-2,24; $p < 0,001$).

So với nhóm có bố với học vấn từ tiểu học trở xuống, xác suất đi học của trẻ em ở nhóm có bố với học vấn trung học cơ sở cao hơn 2,67 lần và ở nhóm có bố với học vấn từ trung học phổ thông trở lên cao hơn 8,56 lần. Điều này khẳng định mối quan hệ giữa học vấn người bố và khả năng đi

học của trẻ em vẫn là mối quan hệ trực tiếp và nhân quả mặc dù có tính đến ảnh hưởng của các biến số khác có trong mô hình.

Điều đáng lưu ý là với mỗi một thành viên gia đình tăng thêm, thì xác suất đi học của trẻ em trong gia đình đó giảm xuống 14%. Mức sống của hộ gia đình có ảnh hưởng với mức ý nghĩa thống kê cao đến xác suất đi học của trẻ em. So với hộ gia đình có mức sống nghèo nhất, trẻ em trong hộ gia đình có mức sống cao nhất có xác suất đi học cao hơn 4,22 lần (Exp (B)=4,22; 95% C.I: 2,13-8,36; $p < 0,001$).

Cuối cùng, khi giữ các biến số khác không đổi trong mô hình phân tích, xác suất đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học ở khu vực nông thôn thấp hơn 30% so với khu vực thành thị. Xác suất đi học trung học của trẻ em ở ba khu vực Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long thấp hơn nhiều so với vùng so sánh là Đồng bằng sông Hồng. Không có sự khác nhau về xác suất đi học của trẻ em giữa Đồng bằng sông Hồng với 2 vùng còn lại là Trung du và Miền núi phía Bắc (MNPB) và Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (DHMT).

5. Thảo luận và kết luận

Kết quả Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2014 cho thấy vấn đề đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học vẫn còn có những khác biệt. Khả năng được đi học của trẻ em phụ thuộc một cách có ý nghĩa với những yếu tố nhân khẩu học-xã hội của cá nhân và hộ gia đình.

Trẻ em gái có khả năng được đi học cao hơn so với trẻ em trai. Điều này có thể là do trẻ em trai có nhiều cơ hội hoặc áp lực đi làm sớm cũng như gặp ít rào cản hơn khi muốn thoát ly, dẫn đến không muốn duy trì việc đến trường. Ngoài ra, do các chính sách phổ cập giáo dục phổ thông có mối quan hệ mật thiết với các chính sách về bình đẳng giới, bất kỳ thành tựu nào của phổ cập giáo dục phổ thông cũng sẽ là một sự bảo đảm cho bình đẳng giới và bất kỳ nỗ lực nào nhằm đạt được bình đẳng giới cũng sẽ thúc đẩy nỗ lực đạt được phổ cập giáo dục phổ thông.

So với nhóm người Kinh, khả năng trẻ em dân tộc thiểu số trong độ tuổi học trung học phổ thông được đi học là thấp hơn. Hệ quả này có thể xuất phát từ những khác biệt trong văn hóa, phong tục tập quán giữa hai nhóm dân tộc. Ngoài ra, những rào cản khác mang tính chất đặc thù và được tích hợp trong đặc trưng của trẻ em dân tộc thiểu số cũng cần phải được nhắc đến như khó khăn trong việc hiểu ngôn ngữ giảng dạy, thiếu giáo viên người dân tộc thiểu số; cơ sở vật chất ở trường học thiếu thốn, sách giáo khoa không phù hợp; trường học xa nhà và thiếu phương tiện giao thông; thái độ tiêu cực của cha mẹ/cộng đồng đối với việc học hành của con cái; chất lượng giáo dục thấp (Báo cáo Phát triển Việt Nam, 2004; Bộ Giáo dục – Đào tạo và các cơ quan khác, 2005; Nhóm hành động chống đói nghèo, 2002; UNDP, 2011).

Học vấn của người bố là yếu tố có tác động nhân quả đến khả năng đi học của trẻ em. Nhóm trẻ em có bố với học vấn cao hơn có khả năng được đi học nhiều hơn. Như vậy, học vấn của cha mẹ đóng một vai trò quan trọng liên quan đến việc tiếp cận giáo dục của con cái.

Số thành viên hộ gia đình ảnh hưởng một cách có ý nghĩa đến khả năng đi học của trẻ em. Kết quả này hàm ý rằng, do tình trạng đông người nên hộ gia đình đã cắt giảm việc học tập và huy động trẻ em tham gia làm việc tạo thu nhập. Ngoài ra, ở những gia đình có nhiều con trong tuổi đến trường, một số trẻ phải hy sinh quyền lợi của mình cho anh chị em của chúng.

Mức sống hộ gia đình là yếu tố tác động rất có ý nghĩa đến khả năng đi học của trẻ em trong độ tuổi học trung học. Thực tế này cho thấy những gia đình nghèo hơn không thể cho con cái đi học ngay từ đầu hoặc không thể duy trì việc đi học cho con cái khi bị lưu ban do vấn đề sức khỏe hay thành tích học tập, hoặc phải cắt giảm việc học hành của trẻ em ở cấp học cao hơn do vấn đề chi phí. Mặc dù Nhà nước đã thực hiện những chính sách nhằm giảm bớt gánh nặng tài chính cho việc học hành của trẻ em nhưng các hộ gia đình vẫn phải đóng góp đáng kể các khoản chi phí cho giáo dục của con cái và vì thế hạn chế khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em ở những hộ nghèo nhất. Vấn đề cần quan tâm ở đây là, nếu các chính sách về giáo dục không được xây dựng hướng đến nhóm người nghèo và thiệt thòi thì việc tiếp cận giáo dục tiếp tục có sự khác biệt giữa các nhóm trẻ em có hoàn cảnh xã hội khác nhau.

Có thể thấy, những mức độ khác nhau về tỷ lệ đi học của trẻ em giữa các vùng là biểu hiện rõ nét của sự khác nhau về mặt xã hội. Tác động của yếu tố vùng đến khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em không chỉ phản ánh các điều kiện địa lý-tự nhiên, mà còn phản ánh cơ cấu kinh tế - xã hội, hệ thống giáo dục và thái độ đối với việc đi học của trẻ em. Ngoài ra, cung cấp dịch vụ giáo dục không công bằng về số lượng và chất lượng cũng là một yếu tố quan trọng dẫn đến những khác biệt về tỷ lệ đi học của trẻ em giữa các vùng.

Trẻ em trong độ tuổi học trung học là nhóm dân số đang ở vào giai đoạn đặc biệt của sự định hình phát triển. Đây cũng là nhóm được xếp vào nhóm tuổi vị thành niên, nhóm dân số đang tràn đầy sức lực và khả năng. Nhóm trẻ em này sẵn sàng mở mang đầu óc để tiếp thu kiến thức, học hỏi kỹ năng và tiếp nhận những giá trị mới. Thái độ của nhóm trẻ em vị thành niên trước cuộc sống vẫn đang được hình thành, tuy nhiên, nếu không được đi học vì một lý do nào đó thì đây thực sự là cơ hội đã bị bỏ lỡ.■

Tài liệu trích dẫn

Báo cáo phát triển Việt Nam..2004. *Nghèo*. Báo cáo chung của các nhà tài trợ,

Hà Nội.

- Bộ Giáo dục - Đào tạo và các cơ quan khác. 2005. *Nghiên cứu về chuyển tiếp trẻ em gái người dân tộc thiểu số từ tiểu học lên trung học cơ sở*.
- Geoffrey B. Hainsworth. 2001. “Phát triển nguồn nhân lực”. Trong: Nolwen Henaff và Jean Yves Martin (chủ biên). *Lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm Đổi mới*. Nxb. Thế giới. Hà Nội.
- Indu Bhushan, Erik Bloom, Nguyễn Minh Thắng, Nguyễn Hải Hữu. 2001. *Vốn nhân lực của người nghèo ở Việt Nam: Tình hình và các lựa chọn về chính sách*. Nxb. Lao động - Xã hội. Hà Nội.
- Ngân hàng Thế giới. 2001. *Đưa vấn đề giới vào phát triển*. Nxb. Văn hoá-Thông tin. Hà Nội.
- Ngân hàng Thế giới. 2007. *Báo cáo phát triển thế giới 2007: Phát triển và thể hệ kế cận*. Nxb. Văn hóa Thông tin. Hà Nội.
- Ngân hàng Thế giới và các cơ quan khác. 2011. *Việt Nam: Nâng cao chất lượng giáo dục cho mọi người đến năm 2020*. Tập II: Báo cáo phân tích.
- Nguyễn Đức Truyền và Trần Thị Thái Hà. 2014. “Xu hướng biến đổi giáo dục của hộ gia đình nông thôn trong thời kỳ đổi mới”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2, tr. 38-48.
- Nguyễn Đức Vinh. 2009. “Tác động của các yếu tố cá nhân và gia đình đến tình trạng đi học của trẻ em và thanh niên ở nông thôn”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4, tr. 26-43.
- Nhóm hành động chống đói nghèo. 2002. *Cung cấp giáo dục cơ bản có chất lượng cho mọi người*. Báo cáo chung của các nhà tài trợ, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. 2011. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 2009 - Giáo dục ở Việt Nam: Phân tích các chỉ số chủ yếu*. Tổng cục thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam, Hà Nội.
- Trần Quý Long. 2013. “Các yếu tố gia đình ảnh hưởng đến tuổi thôi học của thanh thiếu niên Việt Nam”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2, tr. 29-42.
- Trần Quý Long. 2014. “Tiếp cận giáo dục của trẻ em Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng”. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 4, tr. 48-58.
- UNDP. 2011. *Báo cáo quốc gia về phát triển con người năm 2011: Dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người*. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc.
- UNICEF. 2011. *The State of the World's Children 2011: Adolescence-An Age of Opportunity*. New York.
- Võ Thanh Sơn, Trương Thị Kim Chuyên, Đoàn Thuận Hòa, Nguyễn Thị Thùy, Đỗ Văn Hợi, Hồ Thanh Bình, Lê Ngọc Can. 2001. “Đi học và bỏ học của học sinh”. Trong: Dominique Haughton, Jonathan Haughton và Nguyễn Phong (chủ biên). *Mức sống trong thời kỳ bùng nổ kinh tế Việt Nam*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Vũ Đức Khánh, Vũ Thị Thu Thủy, Bùi Kim Loan, Lê Hồng Phong, Nguyễn Quang Phương. 2001. “Lao động và việc làm”. Trong: Dominique Haughton, Jonathan Haughton và Nguyễn Phong (chủ biên). *Mức sống trong thời kỳ bùng nổ kinh tế Việt Nam*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
- Young Lives. 2011. *Báo cáo điều tra vòng 3: Trẻ em lớn lên như thế nào trong thiên niên kỷ mới? Những kết quả ban đầu của Việt Nam*. Hà Nội.